

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **31/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 18-8-2023
“V/v ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải và ông Bùi Ngọc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiều Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 09 Huỳnh Tấn P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 09 Huỳnh Tấn P, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tại các buổi làm việc, nguyên đơn bà Trịnh Thị H trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và ông Cao Văn D đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND phường Đ, thị xã B) vào ngày 30/11/1988. Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên chửi bới, vô cớ đánh đập tôi, đến tháng 01 năm 2010 thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, ông D đánh tôi đến nỗi tôi phải nhập viện, sau thời gian này vợ chồng tôi sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy tình cảm không còn nên tôi yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Cao Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung là cháu Cao K, sinh ngày 25/7/1989; cháu Cao Thị Th, sinh ngày 18/8/1992; cháu Cao X, sinh ngày 12/01/2004. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Cao Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Trịnh Thị H và ông Cao Văn D được quyền ly hôn. Về con chung: Con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 03/03/2023 bà Trịnh Thị H nộp đơn khởi kiện, ngày 13/03/2023 Tòa án thụ lý việc khởi kiện của bà H là đúng trình tự thủ tục theo Điều 191, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Cao Văn D không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Ngày 27/7/2023 Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại ngày 18/8/2023 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị H và ông Cao Văn D có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, vào ngày 30/11/1988 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND phường Đ, thị xã B) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên chửi bới, vô cớ đánh đập bà H, đến tháng 01 năm 2010 thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, sau

thời gian này vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Qua xác minh tại tổ dân phố V, phường Đ, thị xã B thì chính quyền địa phương xác định ông D, bà H có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không biết, hiện nay vợ chồng đã ly thân với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trịnh Thị H, ông Cao Văn D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Cao Văn D và bà Trịnh Thị H ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, 191, 192, 195; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trịnh Thị H được quyền ly hôn với ông Cao Văn D.

2. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông D, bà H không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trịnh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0018459 ngày 13/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- UBND P. Đ;
- Chi cục THA dân sự Tx. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn

